

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **127/2019/HS-ST**
Ngày: 19-7-2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT, TỈNH BÌNH DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thanh Tâm.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Thượng Văn Kình;
2. Ông Đặng Minh Lý.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Hồng Vân - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Thanh Hương - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 16 và 19 tháng 7 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 101/2019/TLST-HS ngày 27 tháng 5 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 129/2019/QĐXXST-HS ngày 05 tháng 7 năm 2019 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Trương Anh Q**, sinh năm 1993. Tại: T. Nơi ĐKKHKT: Xóm Thanh L, xã H, huyện H, tỉnh T; nghề nghiệp: không; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trương Quang Á và bà Mai Thị T; bị cáo có vợ là Vũ Thị V và 02 con; Tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân: Ngày 14/02/2008, bị UBND huyện (nay là thị xã Dĩ An), tỉnh Bình Dương đưa vào trường giáo dưỡng về hành vi “Trộm cắp tài sản” theo Quyết định số 314; bị cáo bị bắt ngày 20/12/2018 và tạm giam cho đến nay (có mặt).

Bị hại:

- Bà Dương Thị C, sinh năm 1980; địa chỉ: Số 41/78, tổ 61, khu 7, phường P, thành phố T, tỉnh B. (có mặt)

- Ông Nguyễn Hoàng T, sinh năm 1979; địa chỉ: Số 41/78, tổ 61, khu 7, phường P, thành phố T, tỉnh B. (vắng mặt)

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Ông Huỳnh Thanh H, sinh năm 1969. Địa chỉ: Xã Đ, huyện C, thành phố C (vắng mặt)

- Ông Lê Văn G, sinh năm 1966. Địa chỉ: Số 10/6, khu phố T, phường T, thị xã D, tỉnh B (vắng mặt)

- Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1978. Địa chỉ: Xóm 1, xã A, huyện Q, tỉnh N (vắng mặt)

- Ông Trương Minh S, sinh năm 1968. Địa chỉ: phường P, thành phố T, tỉnh B (có mặt)

Người làm chứng: Ông Ngô Công Đ, Ngô Văn S.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trương Anh Q và bà Dương Thị C, sinh năm 1980. Địa chỉ: số 41/78, tổ 61, khu 7, phường P, thành phố T, tỉnh B là chị em họ. Khoảng 17 giờ ngày 03/12/2018, Trương Anh Q đón xe ôm đi từ nhà Q ở phường T, thị xã D, tỉnh B đến nhà bà C ở số 41/78, tổ 61, khu 7, phường P, thành phố T, tỉnh B để chơi thì thấy nhà bà C khóa cửa nên Q nảy sinh ý định đột nhập vào nhà bà C để lấy trộm tài sản. Thực hiện ý định trên, Q đi bộ ra phía sau nhà bà C leo qua tường rào vào sân nhà bà C. Do Q nhiều lần đến chơi nhà bà C nên Q biết cửa ở tầng 01 bị hư khóa nên Q leo lên tầng 01 rồi mở cửa vào nhà. Khi Q vào phòng ngủ của bà C thì thấy tủ trang điểm không khóa, Q mở tủ trang điểm lấy trộm số tiền 70.000.000 đồng, 02 sợi dây chuyền kim loại màu trắng và 02 chiếc nhẫn vàng cất vào túi quần rồi leo tường rào ra ngoài đón taxi về nhà tại phường T, thị xã D, tỉnh B. Sau đó, Q đem 02 chiếc nhẫn vàng đến tiệm vàng (không rõ tên và địa chỉ cụ thể) bán được 3.700.000 đồng, còn 02 sợi dây chuyền bằng kim loại màu trắng Q giữ lại. Đến ngày 17/12/2018, khi Q đi xe ôm của ông Huỳnh Thanh H, sinh năm 1969. Địa chỉ: xã Đ, huyện C, thành phố C thì do túi quần của Q bị rách nên Q đưa ông H giữ dùm Q. Số tiền trộm được và tiền bán 02 chiếc nhẫn vàng Q dùng trả nợ cho ông Lê Văn G, sinh năm 1966. Địa chỉ: số 10/6, khu phố T, phường T, thị xã D, tỉnh B số tiền 3.000.000 đồng, trả nợ cho bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1978. Địa chỉ: xóm 1, xã A, huyện Q, tỉnh N số tiền 13.000.000 đồng và tiêu xài cá nhân hết.

Khoảng 21 giờ ngày 03/12/2018, bà C và chồng là ông Nguyễn Hoàng T, sinh năm 1979. Địa chỉ: số 41/78, tổ 61, khu 7, phường P, thành phố T, tỉnh B phát hiện bị mất trộm tài sản nhưng không biết thủ phạm là ai. Đến ngày 05/12/2018, khi ông T nói chuyện với ông Ngô Công Đ, sinh năm 1954. Địa chỉ: số 102/4, tổ 76, khu 8, phường P, thành phố T, tỉnh B và ông Ngô Văn S, sinh năm 1987. Địa chỉ: xã T, huyện T, tỉnh B (ông Đ và ông S là hàng xóm của ông T) thì được ông Đ và ông S cho biết vào lúc 17 giờ ngày 03/12/2018 ông Đ và ông S có nhìn thấy đối tượng leo tường rào vào nhà ông T. Qua mô tả, ông T nghi ngờ người lấy trộm tài sản là Trương Anh Q nên đến Công an phường Phú Lợi, thành phố Thủ Dầu Một trình báo sự việc. Ngày 18/12/2018, Công an phường Phú Lợi chuyển hồ sơ đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Thủ Dầu Một xử lý theo thẩm quyền. Ngày 20/12/2018, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Thủ Dầu Một mời Trương Anh Q đến làm việc thì Q khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của Q.

Ngày 29/01/2019, Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thành phố Thủ Dầu Một có Kết luận định giá số 22, kết luận: 02 sợi dây chuyền bằng kim loại màu trắng, trị giá 100.000 đồng.

Ngày 18/3/2019, Phân viện khoa học hình sự tại thành phố Hồ Chí Minh Viện khoa học hình sự có Kết luận giám định số 1373/C09B, kết luận:

+ 01 sợi dây chuyền bằng kim loại màu trắng, khối lượng 15,3692gam, có thành phần kim loại chủ yếu là kim loại Bạc, hàm lượng Bạc 89,22%, hàm lượng Kẽm 7,79%.

+ 01 sợi dây chuyền bằng kim loại màu trắng, có gắn hột đá, tổng khối lượng 16,8950gam, có thành phần kim loại chủ yếu là kim loại Sắt, hàm lượng Sắt 96,81%.

Ngày 14/5/2019, Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thành phố Thủ Dầu Một có Công văn số 222/HĐĐGTS trả lời về việc định giá tài sản 02 chiếc nhẫn vàng, cụ thể: Do tài sản nêu trên không thu hồi được nên Hội đồng định giá không thể kiểm định, đánh giá chất lượng còn lại của tài sản để làm cơ sở xác định giá trị còn lại của tài sản cũng như xác định giá trị tài sản theo yêu cầu của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Thủ Dầu Một.

Ngày 20/12/2018, ông Huỳnh Thanh Hải giao nộp cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Thủ Dầu Một 02 sợi dây chuyền kim loại màu trắng. Do ông H không biết đây là tài sản Q phạm tội mà có nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Thủ Dầu Một không đề cập xử lý. Ngày 10/3/2019, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Thủ Dầu Một trả lại cho ông Nguyễn Hoàng T 02 sợi dây chuyền kim loại trên. Ông T không yêu cầu Trương Anh Q bồi thường gì.

Đối với số tiền 3.000.000 đồng Trương Anh Q trả cho ông Lê Văn G. Ngày 20/12/2018, ông G đã giao nộp số tiền trên cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Thủ Dầu Một. Do ông G không biết đây là tài sản Q phạm tội mà có nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Thủ Dầu Một không đề cập xử lý. Đến ngày 10/3/2019, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Thủ Dầu Một đã trả lại số tiền trên cho ông Nguyễn Hoàng T.

Đối với số tiền 13.000.000 đồng Trương Anh Q trả cho bà Nguyễn Thị H. Do bà H đã sử dụng hết số tiền trên nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Thủ Dầu Một không thu hồi được. Bà H không biết đây là tài sản Q phạm tội mà có nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Thủ Dầu Một không đề cập xử lý,

Đối với số tiền 70.000.000 đồng và 02 chiếc nhẫn vàng Trương Anh Q lấy trộm của bà Dương Thị C. Bà C yêu cầu Trương Anh Q bồi thường số tiền 75.000.000 đồng. Ngày 16/01/2019, ông Trương Minh S, sinh năm 1968. Địa chỉ: phường P, thành phố T, tỉnh B (ông S là chú ruột của Trương Anh Q) đã bồi thường cho bà Dương Thị C số tiền 75.000.000 đồng. Ông S không yêu cầu Trương Anh Q phải trả lại số tiền trên. Hiện tại, bà C không yêu cầu Trương Anh Q bồi thường gì và có Đơn bãi nại đối với Q.

Cáo trạng số 118/CT-VKS-HS ngày 27/5/2019 của Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương truy tố bị cáo Trương Anh Q về tội “Trộm cắp tài sản” theo điểm c khoản 2 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một trong phần tranh luận giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo Trương Anh Q đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm c khoản 2 Điều 173; điểm b, s khoản 1 Điều 51, Điều 38 của Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Trương Anh Q mức hình phạt từ 36 đến 42 tháng tù.

Về trách nhiệm dân sự và biện pháp tư pháp: Không đề nghị xem xét giải quyết.

Bị cáo Trương Anh Q không có ý kiến tranh luận, chỉ xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo; Bị hại bà Dương Thị C đề nghị Hội đồng xét xử

xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo và không có ý kiến tranh luận gì; Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không có ý kiến tranh luận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, Kiểm sát viên trong quá trình khởi tố, điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, người tham gia tố tụng không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, quyết định, hành vi tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, bị cáo Trương Anh Q đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội. Lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với biên bản giữ người trong trường hợp khẩn cấp, biên bản hỏi cung bị can, lời khai của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan cùng những chứng cứ, tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án. Đủ cơ sở kết luận: Bị cáo Trương Anh Q và bị hại Dương Thị C là chị em họ hàng với nhau. Khoảng 17 giờ ngày 03/12/2018 Q đến nhà bà C tại địa chỉ số nhà 41/78, tổ 61, khu 7, phường P, thành phố T, tỉnh B để chơi nhưng do không có ai ở nhà nên bị cáo đã lén lút trèo tường vào nhà lục soát phòng ngủ, cạy tủ chiếm đoạt số tiền 70.000.000 đồng; 02 sợi dây chuyền kim loại màu trắng trị giá 100.000 đồng, 02 chiếc nhẫn vàng của bà C, ông T. Tài sản bị cáo chiếm đoạt của bị hại có giá trị là 75.000.000đ (Bảy mươi lăm triệu đồng) nên hành vi mà bị cáo thực hiện đã hội đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” với tình tiết định khung chiếm đoạt tài sản có giá trị từ 50.000.000 đồng đến dưới 200.000.000 đồng được quy định tại điểm c khoản 2 Điều 173 của Bộ luật Hình sự. Bị cáo đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự. Do vậy, cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một truy tố bị cáo theo tội danh và điều khoản như trên là có căn cứ và đúng pháp luật.

[3] Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự, trị an tại địa phương nơi xảy ra vụ án. Bị cáo có nhân thân xấu, từng bị đưa vào trường giáo dưỡng về hành vi “Trộm cắp tài sản”, bị cáo nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng vì tham lam, lười lao động mà bị cáo đã thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp. Do vậy, đối với bị cáo cần có mức hình phạt nghiêm, tương xứng với tính chất, mức độ của hành vi phạm tội mà bị cáo đã thực hiện, cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian để có tác dụng răn đe, giáo dục bị cáo đồng thời cũng nhằm phòng ngừa tội phạm chung trong xã hội.

[4] Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có.

[5] Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, bị cáo đã tác động gia đình bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả cho bị hại, tại phiên tòa bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Đây là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự mà Hội đồng xét xử xem xét áp dụng khi quyết định hình phạt đối với bị cáo.

[6] Đối chiếu với tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, căn cứ vào nhân thân bị cáo xét mức hình phạt mà đại diện Viện Kiểm sát đề nghị đối với bị cáo là cao nên Hội đồng xét xử xử bị cáo mức hình phạt thấp hơn mức Viện kiểm sát đã đề nghị đối với bị cáo.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Tại phiên tòa, bị hại bà Dương Thị C không có ý kiến và yêu cầu gì khác nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa ông Trương Minh S không yêu cầu bị cáo Trương Anh Q phải trả lại số tiền 75.000.000 đồng mà ông S đã bồi thường cho bà Dương Thị C nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết trách nhiệm dân sự của bị cáo Q đối với ông S.

[8] Về biện pháp tư pháp: Không có.

[9] Về án phí sơ thẩm: Bị cáo phải nộp theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm c khoản 2 Điều 173; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38 của Bộ luật Hình sự; Các Điều 136, 260 và 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Tuyên bố bị cáo Trương Anh Q phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

1./ Về hình phạt: Xử phạt bị cáo Trương Anh Q 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 20/12/2018.

2./ Về trách nhiệm dân sự: Không đặt ra xem xét, giải quyết.

3./ Về án phí: Buộc bị cáo Trương Anh Q phải nộp 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày Tòa tuyên án. Bị hại được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- Công an tỉnh Bình Dương;
- VKSND thành phố Thủ Dầu Một;
- Công an thành phố Thủ Dầu Một;
- Chi cục THADS TP. Thủ Dầu Một;
- Sở Tư Pháp tỉnh Bình Dương;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu HS, VP

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Thanh Tâm